

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/DS-PT.

Ngày: 28/5/2021.

V/v: “*Tranh chấp đòi lại
tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Luông

Các Thẩm phán:

Bà Võ Thị Phụng

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa
án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Đặng Kim Quang -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu
Giang công khai xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số 41/2021/TLPT-DS ngày 16
tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2021
của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2021/QĐ-PT ngày 29 tháng 4
năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Võ Văn T (Ba Thắt), sinh năm: 1936 (có mặt).

2. Bà Trần Thị L, sinh năm: 1936 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu vực A, phường B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

- *Bị đơn:*

1. Ông Võ Văn M, sinh năm: 1947 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1955 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Khu vực A, phường B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị L1 là bị đơn trong
vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện, quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày: Năm 1997 ông Võ Văn T và ông Võ Văn M cùng xây dựng nhà, lúc đó hai bên cùng thống nhất làm chung một vách tường do ông Võ Văn T bỏ tiền ra xây dựng. Sau khi xây dựng xong hai bên có nhờ cán bộ xã D, huyện E, tỉnh Cần Thơ thẩm định tổng giá trị vách tường là 12.000.000 đồng, hai bên cùng thống nhất chia đôi số tiền trên, gia đình ông M phải trả cho ông T số tiền 6.000.000 đồng, khi thỏa thuận hai bên có lập biên bản về việc trao đổi vách nhà.

Sau đó, vợ chồng ông Võ Văn M không có tiền trả cho vợ chồng ông T nên ngày 03/5/1998 bà Nguyễn Thị L1 là vợ ông M viết tờ cam kết đến ngày 20/7/1998 (dương lịch) sẽ trả số tiền 6.000.000 đồng và trả lãi để gia đình ông T trả cho Nhà nước. Nhưng đến nay vợ chồng ông M và bà L1 chưa trả số tiền trên cho vợ chồng ông T nên ông T, bà L khởi kiện yêu cầu ông M, bà L1 trả số tiền còn nợ là 10.000.000 đồng (trong đó tiền vốn 6.000.000 đồng và 4.000.000 đồng tiền lãi).

Nguyên đơn bà Trần Thị L thống nhất với lời trình bày của ông Võ Văn T. Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông M, bà L1 trả số tiền còn nợ là 10.000.000 đồng (trong đó tiền vốn 6.000.000 đồng và 4.000.000 đồng tiền lãi).

Bị đơn ông Võ Văn M trình bày: Ông M thừa nhận năm 1997 ông M, bà L1 có thỏa thuận với ông T, bà L xây chung vách nhà với số tiền 12.000.000 đồng. Hai bên cùng thống nhất chia đôi số tiền trên, gia đình ông M phải trả cho ông T số tiền 6.000.000 đồng, khi thỏa thuận hai bên có lập biên bản về việc trao đổi vách nhà. Sau đó, do không có tiền trả cho ông T, bà L nên ngày 03/5/1998 bà Nguyễn Thị L1 viết tờ cam kết đến ngày 20/7/1998 (dương lịch) sẽ trả số tiền 6.000.000 đồng và trả lãi để gia đình ông T trả cho Nhà nước. Từ khi viết tờ cam kết bà L1 đã trả dần số tiền trên cho bà L, ông T đến nay ông M, bà L1 không nợ hay còn thiếu tiền gì của ông T, bà L. Do đó, ông T, bà L khởi kiện yêu cầu ông M, bà L1 trả số tiền 10.000.000 đồng (trong đó tiền vốn 6.000.000 đồng và 4.000.000 đồng tiền lãi) thì ông M, bà L1 không đồng ý.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 thống nhất với lời trình bày của ông Võ Văn M. Ngày 03/5/1998 bà L1 có viết tờ cam kết đến ngày 20/7/1998 (dương lịch) sẽ trả số tiền 6.000.000 đồng và trả lãi để gia đình ông T trả cho Nhà nước. Sau khi viết tờ cam kết, bà L1 đã trả dần số tiền trên cho bà L, ông T, đến nay không còn

nợ bà L, ông T. Nay ông T, bà L yêu cầu bà, ông M trả số tiền 10.000.000 đồng (trong đó tiền vốn 6.000.000 đồng và 4.000.000 đồng tiền lãi) thì bà không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Văn T, Trần Thị L đối với bị đơn Võ Văn M, Nguyễn Thị L1.

2. Buộc bị đơn Võ Văn M, Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Võ Văn T, Trần Thị L số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 01 tháng 02 năm 2021, bị đơn ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị L1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị L1 không phải trả cho ông Võ Văn T và bà Trần Thị L số tiền 6.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị L1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng, quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng qui định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị L1, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị L1 kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị L1:

[2.1] Nguyên đơn ông Võ Văn T, bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị L1 trả số tiền 6.000.000 đồng mà bị đơn ông M, bà L1 nợ của ông T, bà L phát sinh từ việc thỏa thuận xây chung vách nhà và 4.000.000 đồng tiền lãi. Bị đơn ông Võ Văn M, và bà Nguyễn Thị L1 thừa nhận có thỏa thuận với ông T, bà L xây chung vách nhà và mỗi bên chịu số tiền 6.000.000 đồng và ông bà đã trả xong nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp đòi lại tài sản theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] *Về thời hiệu khởi kiện:*

Theo Tờ cam kết lập ngày 03/5/1998 (Bút lục số 17) thì bị đơn có cam kết đến ngày 20/7/1998 dl sẽ trả cho nguyên đơn số tiền 6.000.000 đồng. Căn cứ điểm 2.2, tiểu mục 2, mục IV Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời điểm phát sinh tranh chấp là sau ngày 20/7/1998.

Theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: “*Đối với các tranh chấp, yêu cầu về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 thì áp dụng quy định về thời hiệu tại Điều 159 và điểm h khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự số 24/2004/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 65/2011/QH12*”. Căn cứ quy định trên thì không áp dụng thời hiệu đối với tranh chấp đòi lại tài sản nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp đòi lại tài sản là đúng quy định. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do các đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên thời hiệu khởi kiện của nguyên đơn vẫn còn là chưa đúng quy định của pháp luật, do đó Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2.3] *Xét yêu cầu trả số tiền gốc:*

Nguyên đơn ông Võ Văn T, bà Trần Thị L và bị đơn ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị L1 đều thừa nhận: Vào năm 1997 ông Võ Văn T và ông Võ Văn M cùng xây dựng nhà và hai bên thống nhất xây dựng chung một vách tường. Sau khi xây dựng xong thẩm định tổng giá trị vách tường là 12.000.000 đồng, hai

bên cùng thống nhất chia đôi số tiền 12.000.000 đồng, do ông T bỏ tiền ra xây dựng vách nên ông M phải trả cho ông T số tiền 6.000.000 đồng, khi thỏa thuận hai bên có lập biên bản về việc trao đổi vách nhà (Bút lục số 15). Sau đó, do ông M, bà L1 không có tiền trả cho ông T, bà L nên ngày 03/5/1998 bà Nguyễn Thị L1 có viết tờ cam kết với bà Trần Thị L với nội dung *“tôi đứng tên với đây Nguyễn Thị L1 làm tờ cam kết với bà Trần Thị L tới ngày 20/7 dl tôi sẽ trả số tiền 6.000.000 đồng và trả lãi cho chị L đã vay nhà nước”*. Đối chiếu lời khai của các đương sự với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông Võ Văn T, bà Trần Thị L và bị đơn ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị L1 có thỏa thuận chia đôi số tiền xây dựng vách nhà là có xảy ra trên thực tế, được các bên đương sự thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật dân sự.

Ông T, bà L yêu cầu ông M, bà L1 trả số tiền gốc là 6.000.000 đồng nhưng ông M, bà L1 cho rằng đã trả hết nợ cho ông T, bà L, tuy nhiên ông M, bà L1 không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ và ông T, bà L cũng không thừa nhận. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”* và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án phải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được trước có trong hồ sơ vụ việc.”*. Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định ông M, bà L1 còn nợ ông T, bà L số tiền là 6.000.000 đồng, do đó buộc ông M, bà L1 có nghĩa vụ trả số tiền 6.000.000 đồng cho ông T, bà L.

[2.4] *Xét yêu cầu trả tiền lãi:*

Nguyên đơn ông Võ Văn T, bà Trần Thị L và bị đơn ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị L1 trả số tiền lãi trên số tiền gốc 6.000.000 đồng và 4.000.000 đồng tiền lãi. Xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 6.000.000 đồng là phát sinh từ việc thỏa thuận xây chung vách nhà, không phải là hợp đồng dân sự có lãi. Đồng thời, theo như nội dung Tờ cam kết lập ngày 3/5/1998: *“tôi đứng tên với đây Nguyễn Thị L1 làm tờ cam kết với bà Trần Thị L tới ngày 20/7 dl tôi sẽ trả số tiền 6.000.000 đồng và trả lãi cho chị L đã vay nhà nước”* thì không xác định được mốc thời gian, mức lãi suất. Do đó, nguyên đơn ông Võ Văn T, bà Trần Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Võ Văn M, bà

Nguyễn Thị L1 trả số tiền lãi suất là 4.000.000 đồng là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những lập luận và phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị L1; Xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị L1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, 92, 147, 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn M và bà Nguyễn Thị L1.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 05/2021/DS-ST ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Văn T, Trần Thị L đối với bị đơn Võ Văn M, Nguyễn Thị L1.

2. Buộc bị đơn Võ Văn M, Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Võ Văn T, Trần Thị L số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị L1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Võ Văn M, bà Nguyễn Thị L1 được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 28 tháng 5 năm 2021.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TX. C;
- CC THADS TX. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Luông